



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8002 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030.

UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là kế hoạch) như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển hệ thống thông tin số liệu dân số của tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ bảo đảm cung cấp đầy đủ tình hình, dự báo dân số tin cậy phục vụ quản lý Nhà nước về dân số, góp phần thực hiện việc quy hoạch, xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, nhằm thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã, phường, thị trấn đạt 90% năm 2025, đạt 100% năm 2030; cộng tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90% năm 2030.

b) 100% kho dữ liệu chuyên ngành dân số trên địa bàn tỉnh được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển vào năm 2025, tiếp tục duy trì và mở rộng đến năm 2030.

c) 100% các huyện, thành phố xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý Nhà nước về dân số vào năm 2025; đến cấp xã, phường, thị trấn đạt 100% năm 2030.

d) 80% ngành, lĩnh vực của địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội vào năm 2025; đạt 100% năm 2030.

đ) Triển khai, sử dụng các ứng dụng trên thiết bị di động thông minh trong việc quản lý, sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong các cơ quan, tổ chức trong xã hội đạt 5 ứng dụng năm 2025; 10 ứng dụng năm 2030.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin số liệu dân số và phát triển

a) Đa dạng hóa, nâng cao chất lượng các sản phẩm, ấn phẩm thông tin số liệu dân số. Thực hiện báo cáo chuyên sâu, triển khai các hướng dẫn; dự báo động thái, vấn đề dân số mới nảy sinh. Cung cấp, chia sẻ thông tin dữ liệu chuyên ngành dân số thuận tiện, liên tục và theo thời gian.

b) Đổi mới phương thức cung cấp thông tin số liệu dân số và phát triển theo các hình thức khác nhau. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin truyền thông hiện đại và truyền thông trực tiếp đến lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các sở, ban, ngành, đoàn thể và toàn xã hội về vai trò của thông tin số liệu dân số và phát triển trong công tác chỉ đạo, điều hành để đạt các mục tiêu về dân số; lồng ghép yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong tỉnh.

c) Đảm bảo nguồn lực, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện Kế hoạch.

2. Thực hiện các quy định chuyên môn, kỹ thuật

a) Xây dựng cơ chế phối hợp, chia sẻ, khai thác thông tin số liệu dân số và phát triển của các sở, ban, ngành, địa phương; hỗ trợ việc thu thập, cập nhật thông tin số liệu đầu vào, quản trị và vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

b) Thực hiện đúng các quy định về kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số; giám sát, đánh giá, thẩm định chất lượng thông tin số liệu của các huyện, thành phố.

3. Nâng cao chất lượng thông tin số liệu, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

a) Nâng cao chất lượng thu thập thông tin số liệu đầu vào của mạng lưới dân số các cấp, cộng tác viên dân số; rà soát, thẩm định thông tin số liệu; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả ba hình thức thu thập thông tin: Báo cáo định kỳ, điều tra thống kê, hồ sơ đăng ký hành chính trên cơ sở nhu cầu thông tin số liệu phục vụ quản lý điều hành.

b) Nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số

- Thực hiện các giải pháp để số hóa, cập nhật thông tin số liệu trực tuyến tại cấp xã, phường, thị trấn; lưu trữ, quản lý dữ liệu tập trung tại kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp tỉnh, cấp huyện.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị của kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp trên cơ sở kế thừa tối đa hạ tầng công nghệ thông tin sẵn có, kết hợp thuê một số dịch vụ.

- Ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ mới; phát triển, sử dụng các ứng dụng khai thác dữ liệu, dự báo dân số phục vụ yêu cầu quản lý, phân tích, chia sẻ, công bố thông tin số liệu dân số.

- Kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu của các ngành, các địa phương; hình thành công dữ liệu dân số; quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin của các hệ thống thông tin trong phạm vi kế hoạch đề ra.

c) Điều tra, khảo sát về dân số và phát triển; nhân khẩu học và sức khỏe. Nghiên cứu, thí điểm mô hình nâng cao chất lượng thu thập, cập nhật thông tin; xử lý các bài toán về động thái dân số.

4. Nâng cao năng lực cán bộ, cộng tác viên tham gia

a) Tuyển dụng, đào tạo cán bộ chuyên sâu về thống kê dân số, nhân khẩu học, công nghệ thông tin.

b) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số về kiến thức và kỹ năng thu thập thông tin; xử lý, khai thác, lưu trữ số liệu dân số; quản trị, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

5. Đảm bảo nguồn lực

a) Bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số, cộng tác viên dân số tham gia theo chức năng nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu tại cơ sở.

b) Tham gia các khóa đào tạo, trao đổi chuyên giao công nghệ.

III. KINH PHÍ

1. Cấp tỉnh: Kinh phí thực hiện kế hoạch do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Ngoài ra, Sở Y tế chỉ đạo đơn vị chuyên

môn lập chương trình, đề án, kế hoạch đầu tư nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

2. Cấp huyện: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí kinh phí địa phương để hỗ trợ cho việc thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động đào tạo, tập huấn; duy trì, cập nhật thông tin, số liệu và giám sát, đánh giá thẩm định số liệu; xây dựng và báo cáo số liệu chuyên đề và dự báo dân số, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh dữ liệu và vận hành hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số tại cơ sở.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch.

b) Kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch, báo cáo Bộ Y tế và UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan báo, đài trong tỉnh tuyên truyền nội dung kế hoạch. Thực hiện các bước thẩm tra làm cơ sở bố trí kinh phí hàng năm cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của kế hoạch.

3. Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế thực hiện việc báo cáo thống kê số liệu về dân số trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, áp dụng các ứng dụng, số liệu thống kê dân số thực hiện các giải pháp khoa học công nghệ.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp Sở Y tế, Sở Tài chính tổng hợp các dự án đầu tư công về nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số của tỉnh.

6. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách để thực hiện kế hoạch.

7. Các sở, ban, ngành

Theo chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được giao triển khai, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của kế hoạch; lồng ghép nội dung của kế hoạch vào các kế hoạch, chương trình, dự án của các sở, ban, ngành.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, tham gia triển khai và giám sát việc thực hiện kế hoạch.

9. UBND các huyện, thành phố

a) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch; bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách phân cấp cho huyện, thành phố để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch.

b) Sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch; báo cáo việc triển khai và kết quả đạt được gửi Sở Y tế (trước ngày 10 tháng 12 hàng năm) để tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- VPCP, Bộ YT;
- TT.TU, HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Cục TK tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS, THNC, Công TTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng